TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2026/QĐST-VHNGĐ	*Phú Thọ, ngày 27 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phùng Thị Thu Hường.

Thư ký phiên họp: Bà Kiều Huyền Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2026/TLST-VDS ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 54/2026/QĐ-VDS ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: văn hóa 5, quận Q, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H nhận các văn bản tố tụng: Ông Lê Tùng L, sinh năm 2004; trú tại: Xã C, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Chu Văn A, sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 37B, tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A đều xác nhận vợ chồng kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Thanh Hóa).

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mẫu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa

anh chị.

Về con chung: Chị H và anh A đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Hoàng V, sinh ngày 25/01/2012 và Chu Hoàng M, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở cùng với anh A. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mỗi tháng là 2.500.000đ/cháu, tổng cộng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, kể từ ngày 01/01/2026 đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Chị H và anh A yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị H ủy quyền cho ông Lê Tùng L nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao nộp các tài liệu chứng cứ, tiền tạm ứng lệ phí và chi phí tố tụng khác liên quan đến việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh A.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Từ khi thụ lý việc Hôn nhân và gia đình đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, các điều 361, 362, 365, 366, 367, 369 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A; về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị H và anh Văn A, giao cho anh Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Chu Hoàng V và Chu Hoàng M; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.500.000đ đối với mỗi con chung, kể từ ngày 01/01/2026 đến khi mỗi con chung trưởng thành; Về tài sản chung: Chị H và anh Văn A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H và anh Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị H chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi ở hiện nay của chị H tại văn hóa 5, quận Q, thành phố Đ, Đài Loan còn anh A cư trú tại tổ 37B, tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ. Chị H và anh Văn A đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ là Tòa án nơi một trong các bên thuận tình ly hôn cư trú có thẩm quyền giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 464 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu

của chị H và anh A là việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ.

Chị H đang cư trú ở nước ngoài, đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự trong đó trình bày lời khai thể hiện ý chí tự nguyện thuận tình ly hôn và quan điểm xin vắng mặt trong quá trình giải quyết việc dân sự tại Tòa án, đã được chứng thực hợp lệ bởi Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Anh Chu Văn A đã ký trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đến Tòa án trình bày bản tự khai thể hiện ý chí tự nguyện thuận tình ly hôn và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự và tiến hành phiên họp theo thủ tục chung là đúng quy định.

- Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng: Do chị H sinh sống tại nước ngoài, không thể trực tiếp tham gia tố tụng nên đã ủy quyền cho ông Lê Tùng L nộp đơn, tài liệu chứng cứ, tiền lệ phí, chi phí tố tụng và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc ủy quyền này không làm ảnh hưởng tới quyền nhân thân của chị H và được ông Lê Tùng L đồng ý nên việc ủy quyền là hợp pháp.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2011, quyển số 01/2009 theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Văn A là hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mẫu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A tự nguyện có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A đều xác định có 02 con chung là cháu Chu Hoàng V, sinh ngày 25/01/2012 và Chu Hoàng M, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay, cả hai đều đang ở cùng với anh Chu Văn A. Chị H và anh Văn A thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh Văn A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Chu Hoàng V và Chu Hoàng M. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi con chung, kể từ ngày 01/01/2026 đến khi con chung thành niên, có khả năng tự túc được.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, các điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 464 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A.

2. Về con chung: Chị H và anh A thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, anh A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Chu Hoàng V, sinh ngày 25/01/2012 và Chu Hoàng M, sinh ngày 27/3/2014. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mỗi cháu là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, tổng cộng là 5.000.000đ, kể từ ngày 01/01/2026 đến khi mỗi con chung thành niên, có khả năng lao động tự túc được.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác:: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Lê Tùng Lâm đã nộp thay chị Nguyễn Thị H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự theo Biên lai thu số 0000297 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND P. Đ, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phùng Thị Thu Hường